

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HS-ST

Ngày: 18-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Vui
2. Ông Phan Thành Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1974 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 01/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H (chết); bị cáo có vợ đã ly hôn, có 01 người con sinh năm 2000; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Nhật Long H – Văn phòng luật sư Huy N1. Địa chỉ: ấp C1, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt khi tuyên án).

- Bị hại: Lê Văn N, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp C, xã P1, thành phố T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Thị L:* Lê Thị Yến N1, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp C, xã P1, thành phố T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người làm chứng:* Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 04 giờ 45 phút ngày 14/02/2022, Nguyễn Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 72F4-0103 có dung tích xi-lanh 97cm³ (không có giấy phép lái xe hạng A1) lưu thông trên Tỉnh lộ 882 hướng từ cầu F đi Quốc lộ 60. Khi đến khu vực ấp T2, xã T3, huyện B thì chuyển hướng (cho xe rẽ trái) không nhường đường đã va chạm với xe mô tô biển số 71B1-087.58 do ông Lê Văn N điều khiển chở vợ là bà Phạm Thị L đang lưu thông theo chiều ngược lại, hậu quả làm bà L tử vong tại hiện trường.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông do Công an huyện B lập lúc 05 giờ 10 ngày 14/02/2022 thể hiện:

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, không bị che khuất tầm nhìn, mặt đường được trải bê tông nhựa tương đối bằng phẳng với chiều rộng mặt đường là 06m. Ở giữa mặt đường có vạch kẻ đường màu vàng, đứt nét phân chia mặt đường thành hai phần bằng nhau. Tính theo hướng từ Quốc lộ 60 về hướng cầu F là hướng Đông Tây của hiện trường, hướng Bắc của hiện trường là hướng tiếp giáp với phần đất bên phải hành lang lộ giới, hướng Nam của hiện trường là hướng tiếp giáp với phần đất bên trái hành lang lộ giới.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết. Khám nghiệm hiện trường được tiến hành theo phương pháp cuốn chiếu, chọn hướng khám nghiệm từ Quốc lộ 60 về hướng cầu F. Chọn vạch kẻ đường đứt nét màu vàng ở giữa mặt đường (gọi là tim đường) làm đường chuẩn để đo các dấu vết, phương tiện tại hiện trường. Chọn trụ Km 01+300 đặt bên trong lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm làm điểm mốc cố định của hiện trường:

- Xe mô tô biển số 72F4-0103 ngã nghiêng sang trái trên phần đường nhựa, đầu xe quay về hướng Bắc với tâm trục bánh trước nằm trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm, cách tim đường là 0,75m. Đuôi xe quay về hướng Nam với tâm trục bánh sau nằm trên phần đường bên trái theo hướng khám nghiệm, cách tim đường là 0,35m.

- Vết cày 1 có dạng đường thẳng, nằm trên mặt đường nhựa phần đường bên phải

theo hướng khám nghiệm, có chiều dài là 5,4m. Điểm đầu vết cày 1 cách tim đường là 1,85m và cách tâm trục bánh trước xe mô tô biển số 72F4-0103 là 2,1m; điểm cuối vết cày 1 cách tim đường là 2,9m.

- Vết cày 2 có dạng đường thẳng nằm trên mặt đường nhựa bên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm có chiều dài là 3,65m. Điểm đầu vết cày 2 cách tim đường là 2,25m và cách điểm đầu vết cày 1 là 0,5m; điểm cuối vết cày 2 cách tim đường là 03m.

- Xe mô tô biển số 71B1-087.58 đỗ đứng bên lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm, đầu xe quay về hướng Đông Nam với tâm trục bánh trước cách tim đường là 3,15m, cách điểm cuối vết cày 2 là 0,7m và cách tâm trục bánh trước xe mô tô biển số 72F4-0103 là 6,8m; đuôi xe quay về hướng Tây Bắc với tâm trục bánh sau nằm trên lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm hiện trường, cách tim đường là 4,3m.

- Vùng đồ vật hỗn hợp không rõ hình dạng nằm trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm, kích thước 5,8m x 3,1m. Tâm vùng đồ vật hỗn hợp cách điểm cuối vết cày 1 là 0,35m, cách tim đường là 2,6m.

- Trụ Km 01+300 nằm ngoài lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm được chọn làm mốc cố định của hiện trường, khoảng cách từ mốc cố định đến điểm cuối vết cày 1 là 10,6m.

- Trụ biển báo hiệu W.207C (biển báo hiệu nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên) nằm ngoài lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm, cách tâm trục bánh trước xe mô tô biển số 72F4-0103 là 88,5m.

- Trụ biển báo hiệu I.414a (biển báo hiệu chỉ dẫn hướng đi) nằm ngoài lề đường bên phải theo hướng khám nghiệm, cách tâm trục bánh trước xe mô tô biển số 72F4-0103 là 71,7m.

Theo biên bản khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 72F4-0103 do Công an huyện B lập ngày 14/02/2022 ghi nhận các dấu vết:

Không có gương chiếu hậu bên trái và bên phải.

Ốp nhựa đầu đèn chiếu sáng phía trước bị bung hở.

Phần đầu xe phía trên, chắn bùn bánh trước có bám túi nilon, trái cây, một bình kim loại.

Vành bánh trước bị cong biến dạng, chiều hướng cong từ trước ra sau.

Phuộc trước bên trái có dấu vết trầy xước, ma sát mới.

Đầu gác chân trước bên trái có dấu vết trầy xước, ma sát, mài mòn mới.

Gác chân trước bên trái bị cong vênh, chiều hướng cong từ dưới lên trên.

Đầu gác chân sau bên trái có dấu vết trầy xước, ma sát, mài mòn mới.

Gác chân sau bên trái bị cong, chiều hướng cong từ sau ra trước.

Mặt ngoài phía sau bên trái cần nâng xe có dấu vết ma sát, trầy xước, mài mòn mới.

Cụm đèn chuyển hướng phía sau bên trái và đèn phanh sau của xe bị vỡ kính.

Công tắc đèn chiếu sáng phía trước ghi nhận ở chế độ mở.

Công tắc đèn chuyển hướng rẽ trái ghi nhận ở chế độ mở.

Hệ thống lái, hãm, đèn, còi có trang bị hoạt động bình thường.

Động cơ hoạt động bình thường.

Theo biên bản khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 71B1-087.58 do Công an huyện B lập ngày 14/02/2022 ghi nhận các dấu vết:

Gương chiếu hậu bên trái không có dấu vết mới hình thành, cần gắn gương chiếu hậu bên trái có treo túi nilong chứa bên trong là một bình kim loại.

Gương chiếu hậu bên phải bị gãy mất phần cần gắn gương và gương soi.

Mặt ngoài bên phải ốp nhựa đầu xe có dấu vết ma sát, mài mòn mới.

Đầu tay cầm bên phải có dấu vết ma sát, mài mòn mới.

Đầu cần tay phanh bên phải có dấu vết ma sát, mài mòn mới.

Trục bánh trước của xe lệch khỏi phương thẳng đứng, lệch hướng từ bên phải qua bên trái của xe.

Đầu phuộc trước bên trái có dấu vết ma sát, mài mòn mới.

Phần dưới bên trái chắn gió trước bị vỡ mất một phần nhựa.

Mặt ngoài phía dưới bên trái động cơ xe có vết ma sát, trầy xước mới.

Cần sang số bị cong từ trước ra sau.

Ốp nhựa thân xe bên trái bị bung hở.

Mặt ngoài phía dưới chắn gió có dấu vết trầy xước, ma sát mới.

Đầu gác chân trước bên phải có vết ma sát, mài mòn mới.

Ốp nhựa thân xe bên phải bị bung hở.

Đầu gác chân sau bên phải có vết trầy xước, ma sát mới.

Mặt ngoài ốp kim loại bảo vệ ống xả có dấu vết trầy xước, mài mòn mới; công tắc đèn chiếu sáng ghi nhận ở chế độ mở.

Hệ thống lái có trang bị.

Hệ thống hãm, đèn, còi hoạt động bình thường.

Động cơ xe hoạt động bình thường.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 31/TT ngày 21/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Nạn nhân Phạm Thị L chết do chấn thương sọ não gây vỡ xương hộp sọ, xuất huyết, tụ máu nội sọ, giập và thoát nhu mô não ra ngoài màng cứng.

Tại biên bản về việc kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở lúc 05 giờ 40 phút ngày 14/02/2022 xác định ông Lê Văn N không có nồng độ cồn.

Tại biên bản về việc kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở lúc 06 giờ 00 phút ngày 14/02/2022 xác định Nguyễn Ngọc D không có nồng độ cồn.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 255/2022/KLGD ngày 26/8/2022 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận Nguyễn Ngọc D:

Về y học: tại thời điểm phạm tội và hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD10).

Về năng lực: tại thời điểm phạm tội và hiện tại đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Phương tiện, tang vật bị tạm giữ:

- 01 xe mô tô biển số 72F4-0103 thuộc sở hữu của Phạm Thanh B do Nguyễn Ngọc D mua chưa sang tên.

- 01 xe mô tô biển số 71B1-087.58 thuộc sở hữu của chị Lê Thị Yến N1.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 21/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 145.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Thị L là chị Lê Thị Yến N1 yêu cầu về trách nhiệm hình sự xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 155.000.000 đồng gồm chi phí mai táng là 100.000.000 đồng, tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng và chi phí sửa xe mô tô 71B1-087.58 là 5.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Ngọc D

đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng nên yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 145.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- Giao trả cho Lê Thị Yến N1 01 xe mô tô biển số 71B1-087.58.
- Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Bắc 01 xe mô tô biển số 72F4-0103 để tiếp tục điều tra xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Ngọc D đã thỏa thuận bồi thường cho Lê Thị Yến N1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Thị L với số tiền 155.000.000 đồng và đã bồi thường 10.000.000 đồng nên đề nghị Tòa ghi nhận và buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại do chị Lê Thị Yến N1 đại diện số tiền 145.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với tội danh, hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Thấy rằng, bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục 01 phần hậu quả cho gia đình bị hại, đồng thời bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất của Kiểm sát viên đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc D không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều

tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc D thừa nhận hành vi vào khoảng 04 giờ 45 phút ngày 14/02/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 72F4-0103 có dung tích xi-lanh 97cm³ lưu thông trên Tỉnh lộ 882 hướng từ cầu F đi Quốc lộ 60. Khi đến khu vực ấp T2, xã T3, huyện B thì chuyển hướng (cho xe rẽ trái) không nhường đường đã va chạm với xe mô tô biển số 71B1-087.58 do ông Lê Văn N điều khiển chở vợ là bà Phạm Thị L đang lưu thông theo chiều ngược lại, hậu quả làm bà L tử vong tại hiện trường. Lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, biên bản khám nghiệm xe mô tô và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có giấy phép lái xe hạng A1 nhưng đã có hành vi điều khiển xe mô tô dung tích xi-lanh 97cm³ lưu thông trên đường và khi chuyển hướng (rẽ trái) đã không đảm bảo an toàn, vi phạm quy định tại các khoản 9, 23 Điều 8; khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ, va chạm vào xe mô tô biển số 71B1-087.58 do ông Lê Văn N điều khiển chở vợ là bà Phạm Thị L đang lưu thông theo chiều ngược lại, hậu quả làm bà La tử vong.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 21/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố.

[3] Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a. Làm chết người

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

...”

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy rằng, bị cáo nhận thức được bản thân không có giấy phép lái xe hạng A1 là không đủ điều kiện để điều khiển xe cơ giới (xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³) nhưng vẫn cố ý điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh 97cm³ tham gia giao thông và đã vi phạm quy tắc giao thông đường bộ khi chuyển hướng xe, bị cáo rẽ trái không nhường đường cho xe đi ngược chiều, cho xe chuyển hướng có khả năng gây trở ngại, nguy hiểm cho người và phương tiện khác dẫn đến va chạm làm bị hại Phạm Thị L tử vong, hành vi của bị cáo đã xâm phạm an toàn giao thông đường bộ, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội và gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông. Hành vi của bị cáo để lại hậu quả nặng nề, gây mất mát đau thương cho gia đình bị hại mà không gì bù đắp được, nên cần phải có hình phạt tương xứng.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Nguyễn Ngọc D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho thấy, bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho gia đình bị hại để khắc phục một phần hậu quả. Bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên cần giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra bị cáo có yêu cầu xác nhận là lao động chính trong gia đình nhưng tại tòa bị cáo xác định hiện nay bị cáo ở nhờ nhà anh ruột để đi làm thuê, bị cáo không nuôi dưỡng, chăm sóc ai nên đây không được xem là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và gây thiệt hại tính mạng, tài sản của người khác. Hậu quả xảy ra là hoàn toàn do lỗi của bị cáo, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần thiết áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục bị cáo

thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng. Tuy nhiên, do bị cáo Nguyễn Ngọc D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy sau khi vi phạm, bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, đã khắc phục một phần thiệt hại về vật chất cho gia đình bị hại, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và mới phạm tội lần đầu nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của gia đình bị hại chi phí mai táng là 100.000.000 đồng, tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng và chi phí sửa xe là 5.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường được 10.000.000 đồng nên căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589, 591, 601 Bộ luật Dân sự ghi nhận và buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình của bị hại Phạm Thị L do chị Lê Thị Yến N1 là đại diện số tiền 145.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng, áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với xe mô tô biển số 71B1-087.58 (bị hư hỏng do tai nạn giao thông) thuộc sở hữu của chị Lê Thị Yến N1 và tại phiên tòa chị N1 có yêu cầu được nhận lại nên giao trả xe mô tô biển số 71B1-087.58 cho chị N1.

Đối với xe mô tô biển số 72F4-0103 (bị hư hỏng do tai nạn giao thông) bị cáo khai do mua xe cũ của người tên Phạm Thanh B, không có làm hợp đồng, trong quá trình điều tra không xác định được thông tin của Phạm Thanh B nên cần giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền.

(Hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo Quyết định chuyển vật chứng số 24/QĐ-VKS ngày 21/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B).

[9] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt là thỏa đáng, tuy nhiên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo chưa tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nên không được chấp nhận. Đề nghị giải quyết các vấn đề khác là phù hợp quy định của pháp luật nên

được chấp nhận.

[10] Tranh luận của người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là chưa tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nên không có cơ sở chấp nhận.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Giao trả cho Lê Thị Yến N1 01 (một) xe mô tô biển số 71B1-087.58 (bị hư hỏng do tai nạn giao thông).

Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B 01 (một) xe mô tô biển số 72F4-0103 (bị hư hỏng do tai nạn giao thông) để tiếp tục điều tra xử lý.

(Hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo Quyết định chuyển vật chứng số 24/QĐ-VKS ngày 21/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B).

[3] Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589, 591, 601 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D bồi thường cho gia đình bị hại Phạm Thị L do chị Lê Thị Yến N1 đại diện số tiền 145.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo

Nguyễn Ngọc D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt; người bào chữa cho bị cáo vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (1b);
- CA huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- UBND xã P (1b);
- Bị cáo, bị hại, người ĐDHP của bị hại, người bào chữa cho bị cáo (4b);
- Lưu: HS; VP; KTNV(5b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Minh